

Số: 08/TB-SKHCN

Bình Dương, ngày 04 tháng 02 năm 2021

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ	
ĐẾN	Số: 130
	Ngày: 22/02
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

THÔNG BÁO

Về việc đề xuất, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh năm 2021

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý ở các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố cũng như phục vụ cho yêu cầu xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hướng đến xây dựng thành phố thông minh của Bình Dương, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) thông báo đến các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố, Trường Đại học, Viện Nghiên cứu, các tổ chức KH&CN để đề xuất nhiệm vụ, đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (NCKH-PTCN) trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

I. Kế hoạch xác định nhiệm vụ NCKH-PTCN cấp tỉnh năm 2021

1. Sở KH&CN thông báo đến Sở, ban ngành, các huyện, thị xã, thành phố, Viện Nghiên cứu, Trường Đại học, các tổ chức KH&CN để gửi đề xuất nhiệm vụ, đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ NCKH-PTCN năm 2021.

2. Viện Nghiên cứu, Trường Đại học, các tổ chức KH&CN căn cứ vào định hướng NCKH-PTCN của tỉnh, gửi đề xuất nhiệm vụ KHCN (Mẫu A0.ĐXNV) trước ngày 15/3/2021 đến các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố (đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu) để các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố xem xét đề xuất đặt hàng nghiên cứu, đồng thời gửi Sở KH&CN để theo dõi.

3. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xem xét, hoàn thiện đề xuất đặt hàng, ký duyệt và gửi đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ NCKH-PTCN năm 2021 theo mẫu (chọn một trong các mẫu: Mẫu A1.ĐXĐH-ĐT/ĐA; Mẫu A2.ĐXĐH-DASXTN; Mẫu A3.ĐXĐH-DAKHCN) đến Sở KH&CN trước ngày 31/3/2021.

4. Sở KH&CN tổng hợp, trình hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh xem xét.

5. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, Sở KH&CN xem xét, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN

6. Danh mục nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh được đăng tải tại cổng thông tin điện tử của tỉnh Bình Dương (www.binhduong.gov.vn) và Sở KH&CN (www.sokhcn.binhduong.gov.vn) trong vòng 03 ngày làm việc sau khi có Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

K/c:

T. Khoa,

T. Cảnh,

TTBM SKHCN

Thực hiện.



(Lưu ý: Ngoài thời gian quy định về việc gửi đề xuất đặt hàng, đề xuất nhiệm vụ KHCN nêu trên, tổ chức, cá nhân có thể gửi đề xuất đặt hàng, đề xuất nhiệm vụ KHCN trong mọi thời điểm, định kỳ mỗi quý Sở KH&CN sẽ xem xét giải quyết, trừ trường hợp các nhiệm vụ cấp thiết).

II. Nội dung định hướng NCKH-PTCN cấp tỉnh năm 2021

1. Khoa học xã hội và nhân văn

Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chủ trương, chính sách, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nghiên cứu các giải pháp thực hiện các mục tiêu, nội dung trong các Nghị quyết của Đảng về ổn định xã hội, công tác giáo dục, văn hóa, dân tộc, an ninh - quốc phòng.

Nghiên cứu các vấn đề về bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu đề xuất các cơ chế chính sách về thu hút, đào tạo, phát triển, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; trọng tâm về lao động, tiền lương, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao và du lịch, bảo hiểm xã hội...

Nghiên cứu các vấn đề về người lao động trên địa bàn tỉnh Bình Dương: vấn đề nhà ở cho công nhân, vấn đề nhà trẻ; vấn đề an toàn thực phẩm; các vấn đề trong lĩnh vực y tế, giáo dục; xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động ...

2. Giáo dục - đào tạo

Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu của KHCN trong dạy học và quản lý giáo dục. Triển khai nhân rộng việc ứng dụng các sáng kiến kinh nghiệm. Mô hình giáo dục đào tạo để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn mới thời kỳ công nghiệp 4.0. Đặc biệt chú trọng nghiên cứu các mô hình gắn kết được Ba Nhà: nhà nước – nhà trường – nhà doanh nghiệp trong giáo dục đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học.

3. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân

Nghiên cứu và phát triển các phương pháp kết hợp giữa y học hiện đại và y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

4. Nông nghiệp

Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các loại giống mới chất lượng cao thích hợp với nông nghiệp đô thị; xây dựng các mô hình, quy trình sản xuất nông nghiệp đô thị, bền vững, an toàn với môi trường; phát triển mô hình “Làng thông minh” với các mô hình mới, nông nghiệp công nghệ cao, kết hợp du lịch sinh thái, giáo dục đào tạo...

Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất và chất lượng một số loại cây ăn quả có múi trên địa bàn tỉnh đạt tiêu chuẩn

VietGAP và gắn kết với thị trường tiêu thụ. Phát triển cây ăn quả đặc sản ven sông Đồng Nai, sông Sài Gòn gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong bảo quản, chế biến cây có múi.

5. Tài nguyên, bảo vệ môi trường

Nghiên cứu ảnh hưởng của phát triển công nghiệp, phát triển đô thị đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu, sức khỏe của nhân dân trong điều kiện hiện nay và dự đoán trong tương lai.

Nghiên cứu, ứng dụng các thiết bị, công nghệ mới phục vụ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên.

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ sử dụng năng lượng tái tạo, công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất, kinh doanh nhằm giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

6. Công nghệ thông tin và truyền thông

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhằm từng bước xây dựng một chính quyền điện tử theo định hướng chung của tỉnh. Nghiên cứu đề xuất một khung kiến trúc công nghệ thông tin - truyền thông mang tính định hướng mở cho đô thị thông minh làm nền tảng cho sự phát triển các giải pháp về đô thị thông minh.

Nghiên cứu các nguy cơ từ an ninh mạng, đảm bảo an toàn thông tin mạng, đánh giá rủi ro, giám sát, phát hiện tấn công, cảnh báo sớm, ngăn chặn kịp thời và ứng cứu các sự cố liên quan đến an toàn thông tin cũng như an toàn cho các hệ thống thông tin và các hệ thống tự động hóa, hệ thống giám sát, điều khiển trong các cơ sở hạ tầng, dữ liệu trọng yếu của tỉnh.

Nghiên cứu, ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý kinh tế - xã hội.

7. Giao thông vận tải

Nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu tai nạn, ách tắc giao thông. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong quản lý vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics, kiểm soát tải trọng. Nghiên cứu các giải pháp tổ chức, quản lý giao thông vận tải hợp lý, khoa học, từng bước hiện đại; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, quy hoạch mạng lưới giao thông.

Nghiên cứu hệ thống giao thông thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Dương hướng đến xây dựng thành phố thông minh.

8. Dịch vụ, kinh tế

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp về chính sách liên quan đến mô hình tổ chức điều hành khi xây dựng thành phố thông minh, cơ chế chính sách, các giải pháp về mô hình thu hút tài chính, truyền thông và xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp.

Nghiên cứu mô hình thúc đẩy phát triển dịch vụ chất lượng cao, thương mại quốc tế, thương mại điện tử... Các mô hình khu công nghiệp hiện đại kiểu mới, khu công nghiệp khoa học công nghệ, các cụm công nghiệp theo ngành nghề phù hợp với điều kiện và định hướng của tỉnh... Các giải pháp xây dựng thương hiệu cho các ngành nghề nổi bật, thương hiệu cho tỉnh, các phương thức thu hút đầu tư mới...

Nghiên cứu giải pháp về KH&CN để xây dựng và phát triển hướng đến một thành phố thông minh nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, giảm chi phí tiêu thụ tài nguyên, cải thiện sự giao tiếp và tương tác giữa người dân và chính quyền.

9. An ninh trật tự

Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an toàn xã hội ở các khu vực trọng yếu trên địa bàn tỉnh như khu, cụm công nghiệp, địa bàn giáp ranh. Các vấn đề về tội phạm có tổ chức. Giải pháp phòng ngừa tội phạm giết người do nguyên nhân xã hội.

Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý dân nhập cư, các vấn đề về an ninh trật tự tại các khu, cụm công nghiệp, các khu nhà trọ, các hành động tụ tập, biểu tình, lãn công gây khó khăn cho doanh nghiệp, đình đốn sản xuất.

III. Hồ sơ đề xuất đặt hàng, đề xuất nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh

1. Đối với Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp

Hồ sơ đề xuất đặt hàng nhiệm vụ NCKH-PTCN cấp tỉnh gửi đến Sở KH&CN. Số lượng hồ sơ: 01 bộ, hồ sơ bao gồm:

Phiếu đề xuất đặt hàng (thực hiện 01 trong 03 mẫu sau):

- Đề tài hoặc đề án khoa học theo Mẫu A1.ĐXĐH-ĐT/ĐA;
- Dự án theo Mẫu A2.ĐXĐH-DASXTN;
- Dự án KH&CN theo Mẫu A3.ĐXĐH-DAKHCN.

Biểu mẫu Quý đơn vị tải về từ địa chỉ <http://www.khcnbinhduong.gov.vn> → Văn bản trọng tâm → Hướng dẫn thực hiện số 05/HD-SKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Sở KH&CN hướng dẫn thực hiện Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định Quản lý nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương → Phụ lục I (Mẫu A1.ĐXĐH-ĐT/ĐA; hoặc Mẫu A2.ĐXĐH-DASXTN; hoặc Mẫu A3.ĐXĐH-DAKHCN)

2. Đối với các Viện Nghiên cứu, Trường Đại học, các tổ chức KH&CN

Gửi Phiếu đề xuất nhiệm vụ NCKH-PTCN cấp tỉnh (theo Mẫu A0.ĐXNV) đến Sở KH&CN hoặc đến Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố (đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu) đề các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành

phổ xem xét đề xuất đặt hàng nghiên cứu.

Biểu mẫu Quý đơn vị tải về từ địa chỉ <http://www.khcnbinhduong.gov.vn> → Văn bản trọng tâm → Hướng dẫn thực hiện số 05/HD-SKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Sở KH&CN hướng dẫn thực hiện Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định Quản lý nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương → Phụ lục I (Mẫu A0.ĐXNV)

Hồ sơ đề xuất đặt hàng/đề xuất nhiệm vụ NCKH-PTCN gửi về:

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở KH&CN, Quây 11, Tháp B, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Thông tin chi tiết xin liên hệ

Phòng Quản lý khoa học - Sở KH&CN tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274) 3825533; FAX: (0274) 3824421

Email : quanlykhoaoc.skhn@binhduong.gov.vn

Website: www.khcn.binhduong.gov.vn

Rất mong nhận được sự tham gia đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu và đề xuất đặt hàng nhiệm vụ NCKH-PTCN của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố;
- Các Viện Nghiên cứu, trường Đại học;
- Các tổ chức KH&CN;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLKH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Việt Long

PHỤ LỤC I:**BIỂU MẪU ÁP DỤNG
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

(Ban hành kèm theo Văn bản số /HD-SKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2019
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương)

Mã biểu mẫu	Ký hiệu biểu mẫu	Tên biểu mẫu
A. XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH		
Mẫu A0.	ĐXNV	Phiếu đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu A1.	ĐXĐH-ĐT/ĐA	Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (Đề tài KH&CN hoặc đề án khoa học).
Mẫu A2.	ĐXĐH-DASXTN	Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (Dự án sản xuất thử nghiệm).
Mẫu A3.	ĐXĐH-DAKH&CN	Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (Dự án KH&CN).
Mẫu A4.	PNX.ĐT/DA	Phiếu nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng Đề tài/Dự án SXTN.
Mẫu A5.	PNX.ĐA	Phiếu nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng Đề án khoa học.
Mẫu A6.	PNX.DAKH&CN	Phiếu nhận xét và đánh giá đề xuất đặt hàng Dự án KH&CN.
Mẫu A7.	KQTCTT	Kết quả tra cứu thông tin về các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm có liên quan đến đề xuất đặt hàng đã và đang thực hiện.
Mẫu A8.	BBKP	Kiểm phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh
Mẫu A9.	BBHD	Biên bản họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh
Mẫu A10.	KQĐG	Kết quả đánh giá đề xuất đặt hàng của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN
Mẫu A11.	TH	Tổng hợp kiến nghị của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN
B. TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH		
Phần 1: Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh		
Mẫu B1-1.	ĐON	Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu B1-2.	TMĐTCN	Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp tỉnh.
Mẫu B1-3.	TMĐTXH	Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh.
Mẫu B1-4.	TMDA	Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh.
Mẫu B1-5.	TMĐA	Thuyết minh đề án khoa học cấp tỉnh.
Mẫu B1-6.	LLTC	Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì Mẫu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu B1-7.	LLCN	Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu B1-8.	PHNC	Giấy xác nhận phối hợp thực hiện nhiệm vụ

		KH&CN cấp tỉnh.
Phần 2: Hội đồng Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh		
Mẫu B2-1.	BBHS	Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu B2-2.	PNX.ĐTCN	Phiếu nhận xét hồ sơ đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp tỉnh.
Mẫu B2-3.	PNX.ĐTXH/ĐA	Phiếu nhận xét hồ sơ đề tài khoa học xã hội và nhân văn hoặc đề án khoa học cấp tỉnh.
Mẫu B2-4.	PNX.DA	Phiếu nhận xét hồ sơ dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh.
Mẫu B2-5.	PĐG.ĐTCN	Phiếu đánh giá hồ sơ đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp tỉnh.
Mẫu B2-6.	PĐG.ĐTXH	Phiếu đánh giá hồ sơ đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn hoặc đề án khoa học cấp tỉnh.
Mẫu B2-7.	PĐG.DA	Phiếu đánh giá hồ sơ dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh.
Mẫu B2-8.	BBKP	Biên bản kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu B2-9.	THKP	Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu B2-10.	BBHĐ	Biên bản họp hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu B2-11.	GUQ	Giấy ủy quyền.
Phần 3: Thẩm định kinh phí		
Mẫu B3-1.	PNX.ĐT/ĐA	Phiếu thẩm định kinh phí đề tài/đề án khoa học cấp tỉnh.
Mẫu B3-2.	PNX.DA	Phiếu thẩm định kinh phí dự án SXTN cấp tỉnh.
Mẫu B3-3.	BB.ĐT/ĐA	Biên bản họp thẩm định kinh phí đề tài/đề án khoa học cấp tỉnh.
Mẫu B3-4.	BB.DA	Biên bản họp thẩm định kinh phí dự án SXTN cấp tỉnh.
Mẫu B3-5.	HĐ.KH&CN	Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN
C. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH		
Mẫu C1.	BCTĐ	Báo cáo nội dung khoa học, tiến độ thực hiện nhiệm vụ.
Mẫu C2.	BCSDKP	Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí.
Mẫu C3.	BCSPHT	Báo cáo sản phẩm KH&CN đã hoàn thành.
D. NGHIỆM THU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH		
Mẫu D1.	BCTH	
Mẫu D2.	BCKQ	Báo cáo kết quả tự đánh giá nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu D3.	CV	Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

Mẫu D4.	BNHS	Biên nhận Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu D5.	PNX.ĐT/DAKH&CN	Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp tỉnh.
Mẫu D6.	PNX.ĐTXHNV	Phiếu nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh.
Mẫu D7.	PNX.TĐSP	Phiếu nhận xét, thẩm định sản phẩm.
Mẫu D8.	BCTĐSP	Báo cáo thẩm định sản phẩm.
Mẫu D9.	PDGKQ	Phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu D10.	BBKP	Biên bản kiểm phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu D11.	BBĐGKQ	Biên bản đánh giá kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.
Mẫu D12.	BCHTHS	Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh.
Mẫu D13.	QĐCNKQ	Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (Một trong các hình thức: đề tài KH&CN hoặc dự án SXTN, đề án khoa học hoặc dự án KH&CN):
3. Mục tiêu:
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN (Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...):
.....
5. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN
6. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:
7. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
8. Dự kiến hiệu quả mang lại:
9. Dự kiến thời gian thực hiện (Số tháng, bắt đầu từ ..):
10. Thông tin khác (Chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KH&CN):
- 10.1 Xuất xứ hình thành:
- (Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KH&CN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.
- Nếu là dự án KH&CN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)
- 10.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: (Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất...):
11. Dự kiến kinh phí:
- Trong đó, kinh phí tài trợ, hay đóng góp của tổ chức, cá nhân (kèm bảng cam kết có chữ ký (có xác nhận/chứng thực của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc đóng dấu nếu là tổ chức)
- (Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.)

....., ngày tháng năm 20...

Tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ

(Họ tên và chữ ký, đóng dấu đối với tổ chức)

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẠT HÀNG NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**
(Dùng cho đề tài hoặc đề án)

1. Tên Đề tài/Đề án:
2. Căn cứ đề xuất:
3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở cấp tỉnh; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của địa phương v.v...:
4. Mục tiêu:
5. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
6. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả:
.....
.....
7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
8. Yêu cầu đối với thời gian để đạt được các kết quả:
9. Dự kiến nhu cầu kinh phí:
Trong đó, kinh phí tài trợ, hay đóng góp của tổ chức, cá nhân (kèm bảng cam kết có chữ ký (có xác nhận/chứng thực của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc đóng dấu nếu là tổ chức)
10. Sở (ban, ngành, địa phương)..... cam kết có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ KH&CN hoàn thành.

..., ngày ... tháng... năm 20....
PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ (BAN,
NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG)
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**
(Dùng cho dự án SXTN)

1. Tên dự án SXTN:
 2. Xuất xứ hình thành: (từ một trong các nguồn sau: kết quả của các đề tài; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; kết quả KH&CN chuyển giao từ nước ngoài... có khả năng ứng dụng)
.....
 3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở cấp tỉnh; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của địa phương v.v...:
 4. Mục tiêu:
 5. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để hoàn thiện công nghệ và đạt kết quả:
 6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt:
 7. Nhu cầu thị trường: (Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án)
.....
 8. Dự kiến tổ chức cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
 9. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:
 10. Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức dự kiến ứng dụng kết quả tạo ra: (Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)
.....
 11. Dự kiến nhu cầu kinh phí:
- Trong đó, kinh phí tài trợ, hay đóng góp của tổ chức, cá nhân (kèm bảng cam kết có chữ ký (có xác nhận/chứng thực của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc đóng dấu nếu là tổ chức)
12. Sở (ban, ngành, địa phương) cam kết có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ KH&CN hoàn thành.

..., ngày ... tháng... năm 20....
PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ
(BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG)
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**
(Dùng cho dự án KH&CN)

1. Tên dự án KH&CN (KH&CN):
2. Xuất xứ hình thành: *(nêu rõ nguồn hình thành của dự án KH&CN, tên dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*
.....
3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở cấp tỉnh; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của địa phương v.v...:
4. Mục tiêu:
5. Nội dung KH&CN chủ yếu: *(mỗi nội dung đặt ra có thể hình thành được một đề tài, hoặc dự án SXTN)*
6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:
7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
8. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:
9. Năng lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả:
10. Dự kiến nhu cầu kinh phí:
 Phương án huy động các nguồn lực của cơ tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả:
 (khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)
 Kinh phí tài trợ, hay đóng góp của tổ chức, cá nhân (kèm bảng cam kết có chữ ký (có xác nhận/chứng thực của chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc đóng dấu nếu là tổ chức)
11. Dự kiến hiệu quả của dự án KH&CN:
 - 11.1 H
 hiệu quả kinh tế - xã hội: (cần làm rõ đóng góp của dự án KH&CN đối với các dự án đầu tư sản xuất trước mắt và lâu dài bao gồm số tiền làm lợi và các đóng góp khác...)
 - 11.2
 Hiệu quả về KH&CN: *(tác động đối với lĩnh vực KH&CN liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh...)*.....
12. Sở (ban, ngành, địa phương) cam kết có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ KH&CN hoàn thành.

..., ngày ... tháng... năm 20....
PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ (BAN,
NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG)
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4.*

**PHIẾU NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ
ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG ĐỀ TÀI/DỰ ÁN CẤP TỈNH**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

Tên đề tài/dự án đề xuất:

I. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG

1.1 Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài/dự án

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu hoặc Không đạt yêu cầu

1.2 Tính liên ngành, liên vùng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu hoặc Không đạt yêu cầu

1.3 Khả năng không trùng lặp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ KH&CN đã và đang thực hiện

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu hoặc Không đạt yêu cầu

1.4 Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực của tỉnh cho việc thực hiện đề tài, dự án

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu hoặc Không đạt yêu cầu

1.5 Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện (chỉ áp dụng đối với dự án)

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu hoặc Không đạt yêu cầu

II. Ý KIẾN CHUYÊN GIA (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị không thực hiện

Đề nghị thực hiện

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

2.1 Dự kiến tên đề tài/dự án:

2.2 Định hướng mục tiêu:

2.3 Yêu cầu đối với kết quả:

Lưu ý:

Đối với đề tài ứng dụng và phát triển công nghệ cần nêu rõ 2 yêu cầu:

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN
- Yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm

Đối với Dự án SXTN:

- Các yêu cầu đối với chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt của các sản phẩm
- Quy mô sản xuất thử nghiệm

....., ngày ... tháng ... năm 20...

(Chuyên gia ký, ghi rõ họ tên)

**PHIẾU NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ
ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

Tên đề án đề xuất:

I. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ CHUNG ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG

1.1 Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng của các kết quả tạo ra vào việc xây dựng và hoạch định chính sách

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu hoặc Không đạt yêu cầu

1.2 Ảnh hưởng đối với các ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ và tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra trong đề xuất đặt hàng

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu hoặc Không đạt yêu cầu

1.3 Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực của tỉnh cho việc thực hiện đề án

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu hoặc Không đạt yêu cầu

II. Ý KIẾN CHUYÊN GIA (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị không thực hiện

Đề nghị thực hiện

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

2.1 Tên đề án:

2.2 Mục tiêu:

2.3 Yêu cầu đối với kết quả:

....., ngày ... tháng ... năm 20...
(Chuyên gia ký, ghi rõ họ tên)

**PHIẾU NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ
ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

Tên dự án KH&CN đề xuất:

I. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ CHUNG ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG

1.1 Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng so với dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm trọng điểm chủ lực của tỉnh

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu hoặc Không đạt yêu cầu

1.2 Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu hoặc Không đạt yêu cầu

1.3 Tính khả thi thể hiện qua nội dung đặt ra trong đề xuất đặt hàng; phương án huy động nguồn lực của tổ chức chủ trì

Nhận xét:

Đánh giá: Đạt yêu cầu hoặc Không đạt yêu cầu

II. Ý KIẾN CHUYÊN GIA (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị không thực hiện

Đề nghị thực hiện

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

2.1 Tên dự án KH&CN:

2.2 Mục tiêu:

2.3 Yêu cầu đối với kết quả:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

(Chuyên gia ký, ghi rõ họ tên)

KẾT QUẢ TRA CỨU THÔNG TIN
Về các đề tài, dự án SXTN có liên quan đến
đề xuất đặt hàng đã và đang thực hiện

I. Thông tin về đề xuất đặt hàng

1..... T
 Tên đề tài/dự án SXTN:

2..... M
 Mục tiêu:

3. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:

II. Kết quả tra cứu về đề tài, dự án có liên quan đã và đang thực hiện

Số TT	Tên đề tài/dự án	Năm bắt đầu - kết thúc	Mục tiêu	Kết quả đã (hoặc dự kiến) đạt được	Tên tổ chức và cá nhân chủ trì
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
.....				

....., ngày ... tháng... năm 20...

Thủ trưởng cơ quan cung cấp thông tin
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

**TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**

Mẫu B1-1. ĐƠN
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ¹
CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Kính gửi: Sở KH&CN tỉnh Bình Dương

Căn cứ thông báo của Sở KH&CN tỉnh Bình Dương về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 20..., chúng tôi:

a)
(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký làm cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN)

b)
(Họ và tên, học vị, chức vụ cá nhân đăng ký chủ nhiệm)

Đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đề tài hoặc dự án SXTN hoặc đề án...):

.....
Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....
Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....
Mã số của Chương trình (nếu có):

Hồ sơ gồm có:

1. Thuyết minh đề tài theo biểu B1-2.TMĐTCN hoặc biểu B1-3.TMĐTXH; dự án SXTN theo biểu B1-4.TMDA; đề án theo biểu B1-5.TMĐA

2. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì biểu B1-6.LLTC;

3. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh biểu B1-7.LLCN;

4. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ biểu B1-8.PHCN (nếu có);

5. Các tài liệu khác.

Chúng tôi xin cam kết những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật, tổ chức đăng ký chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ không vi phạm một trong các yêu cầu, điều kiện theo quy định hiện hành và không đồng thời xin tài trợ kinh phí từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ này. Nếu phát hiện hồ sơ kê khai không đúng sự thật chúng tôi xin chịu mọi hình thức xử lý theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN**
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH¹

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài	1a	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)
2	Thời gian thực hiện: tháng (Từ tháng /20.. đến tháng /20...)	3	Cấp quản lý Cấp tỉnh <input type="checkbox"/>
4	Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước		
	- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước		
5	Đề nghị phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán:triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán:triệu đồng	
6	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số: <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN <input type="checkbox"/> Độc lập <input type="checkbox"/> Khác		
7	Lĩnh vực khoa học		
	<input type="checkbox"/> Tự nhiên;	<input type="checkbox"/> Nông nghiệp;	
	<input type="checkbox"/> Kỹ thuật và công nghệ;	<input type="checkbox"/> Y, dược.	
8	Chủ nhiệm đề tài		
	Họ và tên:		
	Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> / Nữ: <input type="checkbox"/>		
	Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:		
	Chức danh khoa học: Chức vụ:		
	Điện thoại:		
	Tổ chức: Mobile:		
	Fax: E-mail:		
	Tên tổ chức đang công tác:		
	Địa chỉ tổ chức:		
9	Thư ký khoa học của đề tài		
	Họ và tên:		
	Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ:		
	Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:		
	Chức danh khoa học: Chức vụ:		
	Điện thoại:		

¹ Bản Thuyết minh đề tài này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

Tổ chức: Mobile:
 Fax: E-mail:
 Tên tổ chức đang công tác:
 Địa chỉ tổ chức:

10 **Tổ chức chủ trì đề tài**
 Tên tổ chức chủ trì đề tài:
 Điện thoại: Fax:
 Website:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:
 Tên cơ quan chủ quản đề tài:

11 **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)**

1. **Tổ chức 1** :
 Tên cơ quan chủ quản
 Điện thoại: Fax:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng:

2. **Tổ chức 2** :
 Tên cơ quan chủ quản
 Điện thoại: Fax:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng:

12 **Cán bộ thực hiện đề tài**
(Ghi những người có đóng góp khoa học và thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài ²	Tổ chức công tác
1			
2			
3			
4			
5			
....			

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

13 **Mục tiêu của đề tài (Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)**

² Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

14	Tình trạng đề tài <input type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả <input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác
15	Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài 15.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài Ngoài nước (Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó) Trong nước (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó) 15.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài (Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu)
16	Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan (Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)
17	Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện (Liệt kê và mô tả chi tiết những công việc của từng nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng, kèm theo nhu cầu về nhân lực, trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)

Nội dung 1 :

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

Nội dung 2:

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

Nội dung 3 :

Công việc 1:

Công việc 2:

.....

18 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng
(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính sáng tạo của đề tài)

Cách tiếp cận:

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

Tính mới, tính sáng tạo:

19 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước
(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có).

20 Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)
(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

21 Phương án thuê chuyên gia (nếu có)

1. Thuê chuyên gia trong nước

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					
....					

2. Thuê chuyên gia nước ngoài

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

22	Tiến độ thực hiện				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức chủ trì*	Dự kiến kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
...	Nội dung n				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 8, 9, 10, 11, 12, 21

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

23 Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt (Liệt kê theo dạng sản phẩm)

Dạng I: Mẫu (model, maket); Sản phẩm (là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;

Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

23.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....

Dạng II: Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)

Dạng III: Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

23.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....

.....

23.3 Kết quả tham gia đào tạo sau đại học

TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Thạc sỹ			
	Tiến sỹ			

23.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

.....

.....

24 Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

24.1 Khả năng về thị trường (Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)

.....

.....

24.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh (Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)

.....

.....

{Luận giải rõ việc xác định giá thành sản phẩm nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ / giá thành và chất lượng sản phẩm cùng loại trên thị trường (có chứng minh giá sản phẩm, cùng chất lượng, có tính đến xu hướng thị trường)}

24.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng sản phẩm

.....

.....

{kèm bảng cam kết của doanh nghiệp-nếu có}

24.4 Mô tả phương thức chuyển giao

(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)

.....

.....

25 Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài

.....

.....

26 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu
26.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan
(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực KH&CN ở trong nước và quốc tế)

.....

26.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

.....

26.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường
(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

.....

27 Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài
27.1. Phương án trang bị tài sản *(xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)*

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài *(nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)*

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

27.2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài *(hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)*

.....

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ
(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

28	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi	Tổng số	Trong đó				
			Trả công lao động trực tiếp+ chuyên gia (nếu có)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tổng kinh phí <i>Trong đó:</i> Ngân sách nhà nước: a. Kinh phí khoán chi: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: b. Kinh phí không khoán chi:						

2	- Năm thứ nhất:						
	- Năm thứ hai:						
	- Năm thứ ba:						
	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

....., ngày..... tháng năm 20....

Chủ nhiệm đề tài
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng năm 20....

Tổ chức chủ trì đề tài
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm 20....

Sở KH&CN³
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

³ Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn												
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
			Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
1	2	3	4=(6+8+10)	5=(7+9+11)	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Trả công lao động														
2	Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài														
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng														
3	Thiết bị, máy móc														
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ														
5	Chi khác														
Tổng cộng															

(*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, ...

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1a. Công lao động trực tiếp

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số ngày công quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài				
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học				
3	Thành viên				
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
Cộng:					

1.1	...													
4	Nước	m ³												
		Cộng												

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài ²											
II	Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến											
III	Khấu hao thiết bị ³											
VI	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)											
IV	Thiết bị công nghệ mua mới											
V	Vận chuyển lắp đặt											
VI	Bảo dưỡng, sửa chữa											
		Cộng										

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn								
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Chi phí xây dựng m ² nhà xưởng, PTN										
2	Chi phí sửa chữa m ² nhà xưởng, PTN										
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước										
4	Chi phí khác										
		Cộng:									

² Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

³ Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.

